

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

I.1. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 7. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

Ô NHIỄM ÁNH SÁNG

[...] Ô nhiễm ánh sáng tại các khu vực thành thị chủ yếu là do chiếu sáng không được định hướng tốt (một phần hướng lên trời, hoặc phản chiếu lên trời), không hiệu quả, thái quá hoặc đơn giản là không cần thiết. Ánh sáng sau đó bị phân tán bởi các lớp khí quyển, tạo ra một quang sáng trên các thành phố và làm cho bầu trời đêm bớt tối đi.

Ô nhiễm ánh sáng không chỉ ảnh hưởng tới việc nghiên cứu và chiêm ngưỡng bầu trời mà nó còn ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế và sinh thái của thế giới. Thật vậy, việc chiếu sáng thái quá hoặc không cần thiết là một sự lãng phí năng lượng mà những người đóng thuế phải gánh chịu. Nếu điện được sinh ra từ các năng lượng hóa thạch thì điều đó góp phần làm tăng lượng khí gây hiệu ứng nhà kính thải vào khí quyển Trái Đất và do đó, đóng góp vào sự nóng lên toàn cầu.

Ánh sáng nhân tạo còn làm rối loạn hệ động vật và thực vật. Việc chiếu sáng ban đêm làm nhiễu loạn các đàn chim di trú vì chúng bị mất các điểm mốc của chúng trên bầu trời. Số chim chết mỗi năm tại Mỹ trong hành trình di trú do đâm vào cửa kính của các tòa nhà cao tầng có thể lên tới hàng trăm triệu con. Ô nhiễm ánh sáng cũng có thể làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật giúp cho thụ phấn như bướm đêm, gây ra các hậu quả trực tiếp, như sự biến mất của nhiều loài cây có hoa phụ thuộc vào sự thụ phấn để sinh sản. Loài sâu đóm cũng bị ảnh hưởng: ánh sáng nhân tạo làm triệt tiêu hiệu ứng huỳnh quang của con cái, làm cho nó không được con đực phát hiện và thụ tinh, mà không có thụ tinh thì loài đó sẽ biến mất. Sự chiếu sáng ban đêm còn làm đảo lộn các nhịp sinh học và ảnh hưởng tới các hệ sinh thái. Chẳng hạn, trong các hồ nước, một sự chiếu sáng thái quá có thể làm cho động vật phù du không ăn tảo nữa, dẫn tới sự sinh sôi nảy nở của loài tảo, làm vi khuẩn biến đổi và tăng mạnh, nhiều động vật có xương sống và cá thiếu oxy.

Vậy chống lại thảm họa ô nhiễm ánh sáng này như thế nào? Nhiều giải pháp đã được đưa ra: ánh sáng của các thiết bị chiếu sáng phải được hướng đến nơi cần, chứ không sang bên hay hướng lên trời (sử dụng đèn chụp, đèn hướng xạ); dùng các nguồn chiếu sáng hiệu quả, ít gây ô nhiễm, như bóng đèn hơi natri; chỉ thấp khi cần thiết và không lãng phí (sử dụng thiết bị ngắt tự động, giảm chiếu sáng nơi công cộng mà không ảnh hưởng đến an toàn của người dân). [...]

(Theo Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*,
Phạm Văn Thiều và Ngô Vũ dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr. 484 – 486)

Câu 1: Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A.** Thuyết minh. **B.** Miêu tả.
C. Tự sự. **D.** Biểu cảm.

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là

- A. khẳng định tác dụng của ánh sáng nhân tạo.
- B. cung cấp thông tin về ô nhiễm ánh sáng.
- C. trình bày nguyên nhân của ô nhiễm ánh sáng.
- D. giúp người đọc biết cách sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Câu 3: Phương án nào dưới đây nêu đúng đặc điểm ngôn ngữ của văn bản trên?

- A. Tính khách quan, chính xác, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành.
- B. Tính chính luận, khái quát, trang trọng.
- C. Tính hình tượng, tính gợi cảm, tính cá thể.
- D. Tính cá thể, sinh động, chủ quan, giàu tính biểu cảm.

Câu 4: Tác động nào của ô nhiễm ánh sáng KHÔNG được nêu ra trong văn bản trên?

- A. Làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật.
- B. Làm ảnh hưởng đến việc nghiên cứu bầu trời.
- C. Làm giảm lượng khí gây hiệu ứng nhà kính.
- D. Làm ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế.

Câu 5: Việc đưa ra thông tin về loài sâu đóm có tác dụng gì trong việc thể hiện mục đích chính của văn bản?

- A. Nhấn mạnh ảnh hưởng của ánh sáng tự nhiên.
- B. Giải thích đặc điểm sinh trưởng của loài sâu đóm.
- C. Thông báo về sự biến mất của loài sâu đóm.
- D. Minh họa cho tác động của ánh sáng nhân tạo.

Câu 6: Thông tin trong văn bản được trình bày theo

- A. quan hệ so sánh.
- B. trật tự thời gian.
- C. trật tự nhân quả.
- D. tầm quan trọng của vấn đề.

Câu 7: Nội dung của văn bản có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống hiện nay?

- A. Khuyến khích con người sử dụng ánh sáng nhân tạo.
- B. Khuyến cáo con người ngừng sử dụng năng lượng hóa thạch.
- C. Khuyến cáo con người hạn chế gây ô nhiễm ánh sáng.
- D. Khuyến khích con người tăng cường sử dụng các thiết bị chiếu sáng.

I.2. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 8 đến câu 14. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

NHÌN NHẬN VỀ BIẾN THỂ TIẾNG VIỆT¹ TRÊN MẠNG TỪ GÓC ĐỘ CHUẨN HÓA TIẾNG VIỆT

Có thể thấy, hiện còn nhiều ý kiến khác nhau (mà cách gọi quen thuộc là “trái chiều”) về biến thể tiếng Việt trên mạng: có ý kiến thì ủng hộ, có ý kiến thì phản đối, có ý kiến thì trung dung. Nhưng, tựu trung lại, tất cả đều quan tâm, hướng đến việc giữ gìn, làm trong sáng tiếng Việt.

Không ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng, thậm chí “khó chịu ra mặt” và chỉ trích gay gắt biến thể tiếng Việt trên mạng, những người này cho rằng, đó là thứ tiếng Việt quái gở, thứ tiếng Việt méo mó, thứ tiếng Việt của những kẻ lười nhác. Họ cho rằng, đây là sự lạm dụng thái quá, làm tiếng Việt bị vi phạm, gây phản cảm, tạo nên thứ ngôn ngữ chợ búa hay hội chứng “ac ac, hic hic, hehe”... Thậm chí, có ý kiến còn cho đây là thứ tiếng Việt “trên trời rơi xuống”, “ngoài hành tinh”, “tiếng Việt ngoại lai”, hoặc cách nói mĩa mai rằng, đó là “thứ tiếng Việt tiết kiệm nhiên liệu”.

¹ *Biến thể tiếng Việt*: các hình thức biến đổi và tồn tại của tiếng Việt.

Những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng cho rằng, nó có chức năng riêng của nó. Việc sử dụng chúng trong giao tiếp của giới trẻ thời nay đa phần là để cho vui, để bộc lộ cảm xúc dễ dàng hơn. Chẳng hạn, hãy so sánh *về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mù* với *không đâu mà* sẽ thấy sức nặng của biểu cảm, cảm xúc nũng nịu ở các biến thể này. Vượt lên trên ngôn từ, đằng sau các biến thể này còn lấp lánh cá tính của thế hệ người sử dụng nó nữa. Nếu nghĩ như vậy, thì theo họ, những biến thể bị coi là dị dạng nhằm nhí, vô bổ kia sao lại thu hút giới trẻ đến vậy? Và, từ suy luận này, người ủng hộ cho rằng, ở thời đại này, ai (thuộc giới trẻ) không biết sử dụng thì sẽ bị xếp vào lạc hậu, không phù hợp với cách sống hiện đại bị chê là “hai lúa” hoặc thuộc dạng “đồ cổ”.

Cũng có ý kiến cho rằng, cũng chẳng nên đặt vấn đề “nên hay không nên sử dụng”, mà là “sử dụng lúc nào và như thế nào”. [...]

Việc ngăn chặn hay cấm sử dụng loại ngôn ngữ này là không thể, nếu không muốn nói là phi lí. Vì thế, một thái độ bình tĩnh là cần thiết nhằm tạo ra được định hướng xã hội trong sử dụng ngôn ngữ “phù hợp với bối cảnh giao tiếp”, tức là, ngôn ngữ mạng phải được khoanh vùng sử dụng trên mạng và dùng để giao tiếp giữa các cư dân mạng. Điều đó cũng có nghĩa rằng, biến thể tiếng Việt trên mạng hãy trở về với đúng vị trí và chức năng của chúng, đó là phạm vi giao tiếp trên mạng giữa các cư dân mạng. Đây chính là sự phân công chức năng trong giao tiếp của các biến thể ngôn ngữ.

(Theo Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ mạng, biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr. 278 – 281)

Câu 8: Nội dung của văn bản trên là

- A. các ý kiến khác nhau về đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. các ý kiến khác nhau về sự phong phú và độc đáo của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. các ý kiến khác nhau về nguồn gốc và quá trình hình thành biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. các ý kiến khác nhau về biến thể tiếng Việt trên mạng và quan điểm của tác giả.

Câu 9: Theo văn bản trên, điểm chung của các ý kiến về biến thể tiếng Việt trên mạng là gì?

- A. Sử dụng tiếng Việt phù hợp với bối cảnh giao tiếp.
- B. Thể hiện thái độ bình tĩnh đối với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Mong muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- D. Ngăn chặn sự “lây lan”, “phát tán” của biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 10: Phương án nào sau đây KHÔNG phải là một trong những luận điểm của văn bản trên?

- A. Ủng hộ việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. Không đồng tình, cũng không phản đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Phản đối gay gắt việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. Tán thành việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng trong mọi tình huống giao tiếp.

Câu 11: Trong văn bản, những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng KHÔNG sử dụng lí lẽ nào để bảo vệ quan điểm của mình?

- A. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ khẳng định lối sống hiện đại.
- B. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ bộc lộ cảm xúc.
- C. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ tiết kiệm thời gian.
- D. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ thể hiện cá tính.

Câu 12: Việc so sánh “*về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mù* với *không đâu mà*” trong văn bản có tác dụng

- A. bộc lộ thái độ của tác giả với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. thể hiện cá tính của tác giả trong sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. làm rõ chức năng bộc lộ cảm xúc của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. chứng minh sự tồn tại của biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 13: Theo văn bản trên, đề xuất nào đúng với việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng?

- A. Sử dụng phù hợp với không gian giao tiếp.
- B. Cấm tuyệt đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Sử dụng để hội nhập và phát triển.
- D. Không giới hạn việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 14: Tiêu đề nào dưới đây phù hợp nhất với nội dung văn bản trên?

- A. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Dấu ấn của người trẻ.
- B. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Con đường hội nhập thế giới.
- C. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Tồn tại hay không tồn tại?
- D. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Chấp nhận hay từ chối?

I.3. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 15 đến câu 22. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

NGHI TÀM²

Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.

Tiếng thời gian khoan nhặt
Bên thềm rêu gọi hè
Không gian như phủ chúa
Hoa cười vang cung mê.

Ai đang dẫn ta về
Thành Thăng Long mây khói
Nền xưa và dấu xe...
Phải tiếng em vừa gọi?

Màu hoa chùng rất vội
Hồn ta cứ la đà
Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.

(Mai Văn Phan, *Lặng yên cho nước chảy*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr. 36 – 37)

Câu 15: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Năm chữ.
- B. Bốn chữ.
- C. Lục bát.
- D. Tự do.

Câu 16: Câu thơ nào dưới đây sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác?

- A. Không gian như phủ chúa.
- B. Hoa cười vang cung mê.
- C. Bên thềm rêu gọi hè.
- D. Tiếng thời gian khoan nhặt.

² Nghi Tàm: một địa danh ở Hà Nội.

Câu 17: Phương án nào thể hiện đúng nhất trạng thái tâm hồn của nhân vật trữ tình trong khổ thơ dưới đây?

*Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.*

- A. Phóng khoáng, bay bổng. B. Bâng khuâng, bồi hồi.
C. Say mê, đắm đuối. D. Thanh khiết, lắng đọng.

Câu 18: Câu thơ *Màu hoa chùng rất vội diễn tả điều gì về hoa?*

- A. Màu hoa không tươi thắm.
B. Sự tồn tại ngắn ngủi của màu hoa.
C. Sự tồn tại bền bỉ của màu hoa.
D. Hoa nở vào buổi chiều tà.

Câu 19: Những hình ảnh *cây lá, sương, rêu, hoa* gợi ra không gian như thế nào ở Nghi Tàm?

- A. Không gian trong trẻo, hư ảo.
B. Không gian chật hẹp, tù đọng.
C. Không gian u tối, đơn điệu.
D. Không gian sôi động, rục rờ.

Câu 20: Cảm thức của nhân vật trữ tình hiện lên như thế nào trong hai dòng thơ dưới đây?

*Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.*

- A. Bâng khuâng trước cảnh đẹp của vùng đất Nghi Tàm.
B. Tâm hướng thiện, sáng ngộ những điều lành.
C. Lòng bồi hồi, chìm đắm vào quá vãng xa xưa.
D. Vui sướng trước sự thay đổi của dung nhan.

Câu 21: Phương án nào sau đây phù hợp nhất với chủ đề của bài thơ?

- A. Bài thơ thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình về vùng quê thanh bình, yên ả, thiên nhiên trù mật.
B. Bài thơ mang nặng nỗi u hoài, luyến tiếc về quá khứ của vùng đất Nghi Tàm có bề dày lịch sử ngàn năm.
C. Bài thơ chuyển tải thông điệp về một vùng đất Nghi Tàm có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa cảnh vật và con người.
D. Bài thơ khắc họa không gian Nghi Tàm nhuốm màu tâm cảnh, gợi sự bình yên, hướng thiện và những suy tư về lịch sử.

Câu 22: Hai đoạn thơ sau có điểm gì tương đồng?

<i>Ai đang dẫn ta về Thành Thăng Long mây khói Nền xưa và dấu xe... Phải tiếng em vừa gọi? (Nghi Tàm – Mai Văn Phấn)</i>	<i>Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo Nền cũ lâu đài bóng tịch dương (Thăng Long thành hoài cổ – Bà Huyện Thanh Quan)</i>
--	---

- A. Tạo dựng không gian đồ nát của kinh thành Thăng Long.
B. Cảm nhận của người con đất Thăng Long về cảnh chiều tà.
C. Cảnh vật huy hoàng, tráng lệ của vùng đất Thăng Long.
D. Hoài niệm về kinh thành Thăng Long xưa cũ.

I.4. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 23 đến câu 30. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

CHIẾC TÙ VÀ³ BỊ BỎ QUÊN

Trên gác xép nhà trưởng bản Hà Văn Nó có chiếc tù và không biết đã từ đời nào sót lại. Chiếc tù và này bằng sừng trâu, khảm bạc, rạn nứt, mạng nhện chằng đầy, tò vò làm tổ ở trong. Không ai chú ý đến nó. Nó nằm đấy, lẩn lóc, vất vưởng.

Năm ấy, bỗng dưng trong rừng Hua Tát xuất hiện một loại sâu đen kì lạ. Chúng bé như những cái tăm, bám đầy chi chít trên những cành lá. Đi vào rừng hay đi lên nương, cứ nghe tiếng sâu bập mình lách tách, tiếng rào rào nghiền lá của chúng mà rợn cả người. Không có thứ lá cây nào mà loài sâu ấy lại không ăn được. Từ lá lúa, lá tre, cả lá của những cây song, cây mây đầy gai cũng bị chúng nhai ngấu nghiến.

Trưởng bản Hà Văn Nó gầy rộc. Ông cùng với dân bản tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng ấy. Họ rung cây, đốt lửa, hun khói, dội nước nóng và nước lá ngón. Tất cả mọi cách thử đều vô hiệu. Loài sâu sinh nở nhanh chóng lạ lùng.

Bản Hua Tát tiêu điều như có dịch hạch. Người ta đã bàn tới chuyện dời bản Hua Tát về nơi khác. Các bộ lão họp bàn. Mọi người sợ hãi đi mời thầy mo về cúng.

Trưởng bản Hà Văn Nó sai người giết trâu, giết lợn để xin trời đất quý thần phù hộ. Thầy mo bảo:

- Cái xương ông tổ họ Hà đang rữa, biến thành sâu bọ, phải lôi cái xương ra ánh mặt trời mà rửa mới hết được sâu.

(Lược một đoạn: Họ Hà có tục thiêu người chết, xương cốt mang đi cất giấu, chỉ có người kế tục trưởng họ mới biết chỗ, nếu xương bị phá là cả dòng họ tuyệt diệt. Trưởng bản cùng con trai là Hà Văn Mao bí mật đến chỗ cất giấu xương cụ tổ, không thấy xương bị mục như lời thầy mo, giữa đám xương có một sợi dây bằng bạc. Mao thắt sợi dây bạc vào người. Sâu vẫn phá. Mao quyết định cho cả bản dời sang đất khác tránh nạn sâu.)

Hôm dọn đồ đạc, Mao thấy cái tù và ở trên gác xép. Trên tù và có một lỗ nhỏ buộc dây. Chàng chợt nhớ ra sợi dây bằng bạc lấy trong đám xương cụ tổ. Chàng bèn lấy sợi dây đeo vào tù và. Chiếc tù và cũ bỗng dưng trông đẹp hẳn lên. Mao cầm tù và và rúc thử một hồi. Thật kì lạ! Khi tiếng tù và vừa mới cất, những con sâu đen trên cây tự dưng quẩn quại rồi rơi xuống đất.

Mao ngạc nhiên, chàng cầm tù và rúc thử vài lần. Những con sâu đen rụng xuống như mưa. Chàng sung sướng, vội vã sai mọi người dừng việc dọn nhà.

Cả bản reo hò theo Mao lên rừng. Sáng ngày hôm ấy, chiếc tù và không ngớt rúc lên âm thanh kì lạ của nó. Sâu đen rơi xuống rào rào, người ta chỉ cần vun lại giết đi. Nạn sâu phá hoại chỉ trong một ngày đã bị diệt sạch.

Diệt xong nạn sâu, dân bản Hua Tát mở hội ăn mừng. Chiếc tù và cũ được đặt trang trọng ở trên ngai thờ.

Từ đấy, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên. Tiếng tù và cổ xưa nhắc nhở mọi người nhớ đến tổ tiên, báo hiệu cuộc sống bình yên không có sâu hại. [...]

(Nguyễn Huy Thiệp, *Chiếc tù và bị bỏ quên*, in trong *Những ngọn gió Hua Tát*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2024, tr. 282 – 286)

Câu 23: Truyện được kể theo ngôi kể nào?

- A. Ngôi thứ ba.
- C. Ngôi thứ hai.

- B. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ nhất.

³ Tù và: dụng cụ làm bằng sừng trâu, bò, dùng để thổi, tiếng vang trầm và xa.

Câu 24: Bản Hua Tát gặp phải biến cố gì?

- A. Mất chiếc tù và.
- B. Quên chiếc tù và ở mộ tổ.
- C. Bị nạn sâu đen phá hoại.
- D. Dời làng đi nơi khác.

Câu 25: Phương án nào mà trưởng bản và dân làng KHÔNG làm để đối phó với nạn sâu?

- A. Tìm chiếc tù và, mở hội ăn mừng.
- B. Mời thầy mo về cúng và bí mật đến mộ tổ.
- C. Rung cây, đốt lửa, hun khói.
- D. Dội nước nóng và nước lá ngón.

Câu 26: Hình ảnh chiếc tù và có ý nghĩa như thế nào?

- A. Thể hiện thái độ thận trọng khi ứng xử với quá khứ.
- B. Khẳng định giá trị của bảo vật trong lĩnh vực khảo cổ.
- C. Khẳng định bản lĩnh và sự sáng suốt của người đứng đầu.
- D. Nhắc nhở thế hệ sau không quên cội nguồn.

Câu 27: Chi tiết nào có vai trò tạo bước ngoặt cho mạch truyện?

- A. Trưởng bản sai người giết trâu, giết lợn xin trời đất quý thần phù hộ.
- B. Mao đeo sợi dây bạc vào chiếc tù và và rúc thử một hồi.
- C. Trưởng bản và dân làng tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng.
- D. Từ đây, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên.

Câu 28: Yếu tố kì ảo nào xuất hiện trong câu chuyện?

- A. Dân bản đun lá ngón để trừ sâu.
- B. Tiếng tù và tiêu diệt được lũ sâu.
- C. Thầy mo cúng và phán nguyên nhân của nạn sâu đen.
- D. Bó con trưởng bản đến xem bộ xương cụ tổ.

Câu 29: Phương án nào nêu KHÔNG đúng nét đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản trên?

- A. Chi tiết chất lọc, hình ảnh giàu ý nghĩa.
- B. Tính cách nhân vật phức tạp, đời sống nội tâm phong phú.
- C. Giọng điệu lạnh lùng, khách quan, sử dụng nhiều câu văn ngắn.
- D. Cốt truyện xoay quanh một sự kiện.

Câu 30: Phương án nào sau đây thể hiện thông điệp của truyện?

- A. Sự tài giỏi của người đứng đầu khi giải quyết các vấn nạn của đời sống cộng đồng sẽ dẫn đến thành công.
- B. Sự kết nối giữa các thế hệ, giữa hiện tại và truyền thống cha ông sẽ đem đến cuộc sống bình yên, hạnh phúc.
- C. Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại góp phần tạo nên sản phẩm văn hóa mang bản sắc cộng đồng.
- D. Sự tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên sẽ góp phần tạo nên cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho dân làng.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 800 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hình ảnh chiếc tù và trong văn bản *Chiếc tù và bị bỏ quên* (Nguyễn Huy Thiệp) ở phần Đọc hiểu.

----- HẾT -----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu; Giám thị không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

I.1. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 7. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

Ô NHIỄM ÁNH SÁNG

[...] Ô nhiễm ánh sáng tại các khu vực thành thị chủ yếu là do chiếu sáng không được định hướng tốt (một phần hướng lên trời, hoặc phản chiếu lên trời), không hiệu quả, thái quá hoặc đơn giản là không cần thiết. Ánh sáng sau đó bị phân tán bởi các lớp khí quyển, tạo ra một quang sáng trên các thành phố và làm cho bầu trời đêm bớt tối đi.

Ô nhiễm ánh sáng không chỉ ảnh hưởng tới việc nghiên cứu và chiêm ngưỡng bầu trời mà nó còn ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế và sinh thái của thế giới. Thật vậy, việc chiếu sáng thái quá hoặc không cần thiết là một sự lãng phí năng lượng mà những người đóng thuế phải gánh chịu. Nếu điện được sinh ra từ các năng lượng hóa thạch thì điều đó góp phần làm tăng lượng khí gây hiệu ứng nhà kính thải vào khí quyển Trái Đất và do đó, đóng góp vào sự nóng lên toàn cầu.

Ánh sáng nhân tạo còn làm rối loạn hệ động vật và thực vật. Việc chiếu sáng ban đêm làm nhiễu loạn các đàn chim di trú vì chúng bị mất các điểm mốc của chúng trên bầu trời. Số chim chết mỗi năm tại Mỹ trong hành trình di trú do đâm vào cửa kính của các tòa nhà cao tầng có thể lên tới hàng trăm triệu con. Ô nhiễm ánh sáng cũng có thể làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật giúp cho thụ phấn như bướm đêm, gây ra các hậu quả trực tiếp, như sự biến mất của nhiều loài cây có hoa phụ thuộc vào sự thụ phấn để sinh sản. Loài sâu đóm cũng bị ảnh hưởng: ánh sáng nhân tạo làm triệt tiêu hiệu ứng huỳnh quang của con cái, làm cho nó không được con đực phát hiện và thụ tinh, mà không có thụ tinh thì loài đó sẽ biến mất. Sự chiếu sáng ban đêm còn làm đảo lộn các nhịp sinh học và ảnh hưởng tới các hệ sinh thái. Chẳng hạn, trong các hồ nước, một sự chiếu sáng thái quá có thể làm cho động vật phù du không ăn tảo nữa, dẫn tới sự sinh sôi nảy nở của loài tảo, làm vi khuẩn biến đổi và tăng mạnh, nhiều động vật có xương sống và cá thiếu oxy.

Vậy chống lại thảm họa ô nhiễm ánh sáng này như thế nào? Nhiều giải pháp đã được đưa ra: ánh sáng của các thiết bị chiếu sáng phải được hướng đến nơi cần, chứ không sang bên hay hướng lên trời (sử dụng đèn chụp, đèn hướng xạ); dùng các nguồn chiếu sáng hiệu quả, ít gây ô nhiễm, như bóng đèn hơi natri; chỉ lắp khi cần thiết và không lãng phí (sử dụng thiết bị ngắt tự động, giảm chiếu sáng nơi công cộng mà không ảnh hưởng đến an toàn của người dân). [...]

(Theo Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*,
Phạm Văn Thiều và Ngô Vũ dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr. 484 – 486)

Câu 1: Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A.** Miêu tả. **B.** Tự sự.
C. Biểu cảm. **D.** Thuyết minh.

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là

- A. trình bày nguyên nhân của ô nhiễm ánh sáng.
- B. khẳng định tác dụng của ánh sáng nhân tạo.
- C. giúp người đọc biết cách sử dụng ánh sáng tự nhiên.
- D. cung cấp thông tin về ô nhiễm ánh sáng.

Câu 3: Phương án nào dưới đây nêu đúng đặc điểm ngôn ngữ của văn bản trên?

- A. Tính khách quan, chính xác, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành.
- B. Tính chính luận, khái quát, trang trọng.
- C. Tính hình tượng, tính gợi cảm, tính cá thể.
- D. Tính cá thể, sinh động, chủ quan, giàu tính biểu cảm.

Câu 4: Tác động nào của ô nhiễm ánh sáng KHÔNG được nêu ra trong văn bản trên?

- A. Làm ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế.
- B. Làm giảm lượng khí gây hiệu ứng nhà kính.
- C. Làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật.
- D. Làm ảnh hưởng đến việc nghiên cứu bầu trời.

Câu 5: Việc đưa ra thông tin về loài sâu đóm có tác dụng gì trong việc thể hiện mục đích chính của văn bản?

- A. Minh họa cho tác động của ánh sáng nhân tạo.
- B. Nhấn mạnh ảnh hưởng của ánh sáng tự nhiên.
- C. Thông báo về sự biến mất của loài sâu đóm.
- D. Giải thích đặc điểm sinh trưởng của loài sâu đóm.

Câu 6: Thông tin trong văn bản được trình bày theo

- A. quan hệ so sánh.
- B. trật tự nhân quả.
- C. tầm quan trọng của vấn đề.
- D. trật tự thời gian.

Câu 7: Nội dung của văn bản có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống hiện nay?

- A. Khuyến cáo con người ngừng sử dụng năng lượng hóa thạch.
- B. Khuyến cáo con người hạn chế gây ô nhiễm ánh sáng.
- C. Khuyến khích con người tăng cường sử dụng các thiết bị chiếu sáng.
- D. Khuyến khích con người sử dụng ánh sáng nhân tạo.

I.2. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 8 đến câu 14. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

NHÌN NHẬN VỀ BIẾN THỂ TIẾNG VIỆT¹ TRÊN MẠNG TỪ GÓC ĐỘ CHUẨN HÓA TIẾNG VIỆT

Có thể thấy, hiện còn nhiều ý kiến khác nhau (mà cách gọi quen thuộc là “trái chiều”) về biến thể tiếng Việt trên mạng: có ý kiến thì ủng hộ, có ý kiến thì phản đối, có ý kiến thì trung dung. Nhưng, tựu trung lại, tất cả đều quan tâm, hướng đến việc giữ gìn, làm trong sáng tiếng Việt.

Không ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng, thậm chí “khó chịu ra mặt” và chỉ trích gay gắt biến thể tiếng Việt trên mạng, những người này cho rằng, đó là thứ tiếng Việt quái gở, thứ tiếng Việt méo mó, thứ tiếng Việt của những kẻ lười nhác. Họ cho rằng, đây là sự lạm dụng thái quá, làm tiếng Việt bị vi phạm, gây phản cảm, tạo nên thứ ngôn ngữ chợ búa hay hội chứng “ac ac, hic hic, hehe”... Thậm chí, có ý kiến còn cho đây là thứ tiếng Việt “trên trời rơi xuống”, “ngoài hành tinh”, “tiếng Việt ngoại lai”, hoặc cách nói mĩa mai rằng, đó là “thứ tiếng Việt tiết kiệm nhiên liệu”.

¹ *Biến thể tiếng Việt*: các hình thức biến đổi và tồn tại của tiếng Việt.

Những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng cho rằng, nó có chức năng riêng của nó. Việc sử dụng chúng trong giao tiếp của giới trẻ thời nay đa phần là để cho vui, để bộc lộ cảm xúc dễ dàng hơn. Chẳng hạn, hãy so sánh *về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mù* với *không đâu mà* sẽ thấy sức nặng của biểu cảm, cảm xúc nũng nịu ở các biến thể này. Vượt lên trên ngôn từ, đằng sau các biến thể này còn lấp lánh cá tính của thế hệ người sử dụng nó nữa. Nếu nghĩ như vậy, thì theo họ, những biến thể bị coi là dị dạng nhằm nhí, vô bổ kia sao lại thu hút giới trẻ đến vậy? Và, từ suy luận này, người ủng hộ cho rằng, ở thời đại này, ai (thuộc giới trẻ) không biết sử dụng thì sẽ bị xếp vào lạc hậu, không phù hợp với cách sống hiện đại bị chê là “hai lúa” hoặc thuộc dạng “đồ cổ”.

Cũng có ý kiến cho rằng, cũng chẳng nên đặt vấn đề “nên hay không nên sử dụng”, mà là “sử dụng lúc nào và như thế nào”. [...]

Việc ngăn chặn hay cấm sử dụng loại ngôn ngữ này là không thể, nếu không muốn nói là phi lí. Vì thế, một thái độ bình tĩnh là cần thiết nhằm tạo ra được định hướng xã hội trong sử dụng ngôn ngữ “phù hợp với bối cảnh giao tiếp”, tức là, ngôn ngữ mạng phải được khoanh vùng sử dụng trên mạng và dùng để giao tiếp giữa các cư dân mạng. Điều đó cũng có nghĩa rằng, biến thể tiếng Việt trên mạng hãy trở về với đúng vị trí và chức năng của chúng, đó là phạm vi giao tiếp trên mạng giữa các cư dân mạng. Đây chính là sự phân công chức năng trong giao tiếp của các biến thể ngôn ngữ.

(Theo Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ mạng, biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr. 278 – 281)

Câu 8: Nội dung của văn bản trên là

- A. các ý kiến khác nhau về đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. các ý kiến khác nhau về nguồn gốc và quá trình hình thành biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. các ý kiến khác nhau về sự phong phú và độc đáo của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. các ý kiến khác nhau về biến thể tiếng Việt trên mạng và quan điểm của tác giả.

Câu 9: Theo văn bản trên, điểm chung của các ý kiến về biến thể tiếng Việt trên mạng là gì?

- A. Thể hiện thái độ bình tĩnh đối với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. Mong muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- C. Ngăn chặn sự “lây lan”, “phát tán” của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. Sử dụng tiếng Việt phù hợp với bối cảnh giao tiếp.

Câu 10: Phương án nào sau đây KHÔNG phải là một trong những luận điểm của văn bản trên?

- A. Phản đối gay gắt việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. Không đồng tình, cũng không phản đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Tán thành việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng trong mọi tình huống giao tiếp.
- D. Ủng hộ việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 11: Trong văn bản, những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng KHÔNG sử dụng lí lẽ nào để bảo vệ quan điểm của mình?

- A. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ bộc lộ cảm xúc.
- B. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ khẳng định lối sống hiện đại.
- C. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ tiết kiệm thời gian.
- D. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ thể hiện cá tính.

Câu 12: Việc so sánh “*về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mù* với *không đâu mà*” trong văn bản có tác dụng

- A. thể hiện cá tính của tác giả trong sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. làm rõ chức năng bộc lộ cảm xúc của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. bộc lộ thái độ của tác giả với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. chứng minh sự tồn tại của biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 13: Theo văn bản trên, đề xuất nào đúng với việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng?

- A. Sử dụng phù hợp với không gian giao tiếp.
- B. Sử dụng để hội nhập và phát triển.
- C. Cấm tuyệt đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. Không giới hạn việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 14: Tiêu đề nào dưới đây phù hợp nhất với nội dung văn bản trên?

- A. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Dấu ấn của người trẻ.
- B. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Tồn tại hay không tồn tại?
- C. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Chấp nhận hay từ chối?
- D. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Con đường hội nhập thế giới.

I.3. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 15 đến câu 22. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

NGHI TÀM²

Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.

Tiếng thời gian khoan nhặt
Bên thềm rêu gọi hè
Không gian như phủ chúa
Hoa cười vang cung mê.

Ai đang dẫn ta về
Thành Thăng Long mây khói
Nền xưa và dấu xe...
Phải tiếng em vừa gọi?

Màu hoa chùng rất vội
Hồn ta cứ la đà
Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.

(Mai Văn Phan, *Lặng yên cho nước chảy*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr. 36 – 37)

Câu 15: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do.
- B. Năm chữ.
- C. Lục bát.
- D. Bốn chữ.

Câu 16: Câu thơ nào dưới đây sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác?

- A. Bên thềm rêu gọi hè.
- B. Không gian như phủ chúa.
- C. Hoa cười vang cung mê.
- D. Tiếng thời gian khoan nhặt.

² Nghi Tàm: một địa danh ở Hà Nội.

Câu 17: Phương án nào thể hiện đúng nhất trạng thái tâm hồn của nhân vật trữ tình trong khổ thơ dưới đây?

*Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.*

- A. Bâng khuâng, bồi hồi. B. Phóng khoáng, bay bổng.
C. Say mê, đắm đuối. D. Thanh khiết, lắng đọng.

Câu 18: Câu thơ *Màu hoa chùng rất vội diễn tả điều gì về hoa?*

- A. Sự tồn tại ngắn ngủi của màu hoa.
B. Màu hoa không tươi thắm.
C. Hoa nở vào buổi chiều tà.
D. Sự tồn tại bền bỉ của màu hoa.

Câu 19: Những hình ảnh *cây lá, sương, rêu, hoa* gợi ra không gian như thế nào ở Nghi Tàm?

- A. Không gian chật hẹp, tù đọng.
B. Không gian u tối, đơn điệu.
C. Không gian sôi động, rục rờ.
D. Không gian trong trẻo, hư ảo.

Câu 20: Cảm thức của nhân vật trữ tình hiện lên như thế nào trong hai dòng thơ dưới đây?

*Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.*

- A. Tâm hướng thiện, sáng ngộ những điều lành.
B. Lòng bồi hồi, chìm đắm vào quá vãng xa xưa.
C. Vui sướng trước sự thay đổi của dung nhan.
D. Bâng khuâng trước cảnh đẹp của vùng đất Nghi Tàm.

Câu 21: Phương án nào sau đây phù hợp nhất với chủ đề của bài thơ?

- A. Bài thơ khắc họa không gian Nghi Tàm nhuộm màu tâm cảnh, gợi sự bình yên, hướng thiện và những suy tư về lịch sử.
B. Bài thơ thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình về vùng quê thanh bình, yên ả, thiên nhiên trù mật.
C. Bài thơ mang nặng nỗi u hoài, luyến tiếc về quá khứ của vùng đất Nghi Tàm có bề dày lịch sử ngàn năm.
D. Bài thơ chuyển tải thông điệp về một vùng đất Nghi Tàm có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa cảnh vật và con người.

Câu 22: Hai đoạn thơ sau có điểm gì tương đồng?

<i>Ai đang dẫn ta về Thành Thăng Long mây khói Nền xưa và dấu xe... Phải tiếng em vừa gọi? (Nghi Tàm – Mai Văn Phấn)</i>	<i>Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo Nền cũ lâu đài bóng tịch dương (Thăng Long thành hoài cổ – Bà Huyện Thanh Quan)</i>
--	---

- A. Tạo dựng không gian đồ nát của kinh thành Thăng Long.
B. Hoài niệm về kinh thành Thăng Long xưa cũ.
C. Cảm nhận của người con đất Thăng Long về cảnh chiều tà.
D. Cảnh vật huy hoàng, tráng lệ của vùng đất Thăng Long.

I.4. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 23 đến câu 30. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

CHIẾC TÙ VÀ³ BỊ BỎ QUÊN

Trên gác xép nhà trưởng bản Hà Văn Nó có chiếc tù và không biết đã từ đời nào sót lại. Chiếc tù và này bằng sừng trâu, khảm bạc, rạn nứt, mạng nhện chằng đầy, tò vò làm tổ ở trong. Không ai chú ý đến nó. Nó nằm đấy, lẩn lóc, vất vưởng.

Năm ấy, bỗng dưng trong rừng Hua Tát xuất hiện một loại sâu đen kì lạ. Chúng bé như những cái tăm, bám đầy chi chít trên những cành lá. Đi vào rừng hay đi lên nương, cứ nghe tiếng sâu bập mình lách tách, tiếng rào rào nghiền lá của chúng mà rợn cả người. Không có thứ lá cây nào mà loài sâu ấy lại không ăn được. Từ lá lúa, lá tre, cả lá của những cây song, cây mây đầy gai cũng bị chúng nhai ngấu nghiền.

Trưởng bản Hà Văn Nó gầy rộc. Ông cùng với dân bản tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng ấy. Họ rung cây, đốt lửa, hun khói, dội nước nóng và nước lá ngón. Tất cả mọi cách thử đều vô hiệu. Loài sâu sinh nở nhanh chóng lạ lùng.

Bản Hua Tát tiêu điều như có dịch hạch. Người ta đã bàn tới chuyện dời bản Hua Tát về nơi khác. Các bộ lão họp bàn. Mọi người sợ hãi đi mời thầy mo về cúng.

Trưởng bản Hà Văn Nó sai người giết trâu, giết lợn để xin trời đất quý thần phù hộ. Thầy mo bảo:

- Cái xương ông tổ họ Hà đang rữa, biến thành sâu bọ, phải lôi cái xương ra ánh mặt trời mà rửa mới hết được sâu.

(Lược một đoạn: Họ Hà có tục thiêu người chết, xương cốt mang đi cất giấu, chỉ có người kế tục trưởng họ mới biết chỗ, nếu xương bị phá là cả dòng họ tuyệt diệt. Trưởng bản cùng con trai là Hà Văn Mao bí mật đến chỗ cất giấu xương cụ tổ, không thấy xương bị mục như lời thầy mo, giữa đám xương có một sợi dây bằng bạc. Mao thắt sợi dây bạc vào người. Sâu vẫn phá. Mao quyết định cho cả bản dời sang đất khác tránh nạn sâu.)

Hôm dọn đồ đạc, Mao thấy cái tù và ở trên gác xép. Trên tù và có một lỗ nhỏ buộc dây. Chàng chợt nhớ ra sợi dây bằng bạc lấy trong đám xương cụ tổ. Chàng bèn lấy sợi dây đeo vào tù và. Chiếc tù và cũ bỗng dưng trông đẹp hẳn lên. Mao cầm tù và và rúc thử một hồi. Thật kì lạ! Khi tiếng tù và vừa mới cất, những con sâu đen trên cây tự dưng quẩn quại rồi rơi xuống đất.

Mao ngạc nhiên, chàng cầm tù và rúc thử vài lần. Những con sâu đen rụng xuống như mưa. Chàng sung sướng, vội vã sai mọi người dừng việc dọn nhà.

Cả bản reo hò theo Mao lên rừng. Sáng ngày hôm ấy, chiếc tù và không ngớt rúc lên âm thanh kì lạ của nó. Sâu đen rơi xuống rào rào, người ta chỉ cần vun lại giết đi. Nạn sâu phá hoại chỉ trong một ngày đã bị diệt sạch.

Diệt xong nạn sâu, dân bản Hua Tát mở hội ăn mừng. Chiếc tù và cũ được đặt trang trọng ở trên ngai thờ.

Từ đấy, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên. Tiếng tù và cổ xưa nhắc nhở mọi người nhớ đến tổ tiên, báo hiệu cuộc sống bình yên không có sâu hại. [...]

(Nguyễn Huy Thiệp, *Chiếc tù và bị bỏ quên*, in trong *Những ngọn gió Hua Tát*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2024, tr. 282 – 286)

Câu 23: Truyện được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ hai.

B. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

C. Ngôi thứ ba.

D. Ngôi thứ nhất.

³ Tù và: dụng cụ làm bằng sừng trâu, bò, dùng để thổi, tiếng vang trầm và xa.

Câu 24: Bản Hua Tát gặp phải biến cố gì?

- A. Quên chiếc tù và ở mộ tổ.
- B. Bị nạn sâu đen phá hoại.
- C. Mất chiếc tù và.
- D. Dời làng đi nơi khác.

Câu 25: Phương án nào mà trưởng bản và dân làng KHÔNG làm để đối phó với nạn sâu?

- A. Tìm chiếc tù và, mở hội ăn mừng.
- B. Rung cây, đốt lửa, hun khói.
- C. Dội nước nóng và nước lá ngón.
- D. Mời thầy mo về cúng và bí mật đến mộ tổ.

Câu 26: Hình ảnh chiếc tù và có ý nghĩa như thế nào?

- A. Khẳng định giá trị của bảo vật trong lĩnh vực khảo cổ.
- B. Thể hiện thái độ thận trọng khi ứng xử với quá khứ.
- C. Nhắc nhở thế hệ sau không quên cội nguồn.
- D. Khẳng định bản lĩnh và sự sáng suốt của người đứng đầu.

Câu 27: Chi tiết nào có vai trò tạo bước ngoặt cho mạch truyện?

- A. Mao đeo sợi dây bạc vào chiếc tù và và rúc thử một hồi.
- B. Từ đây, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên.
- C. Trưởng bản sai người giết trâu, giết lợn xin trời đất quý thần phù hộ.
- D. Trưởng bản và dân làng tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng.

Câu 28: Yếu tố kì ảo nào xuất hiện trong câu chuyện?

- A. Bó con trưởng bản đến xem bộ xương cụ tổ.
- B. Dân bản đun lá ngón để trừ sâu.
- C. Thầy mo cúng và phán nguyên nhân của nạn sâu đen.
- D. Tiếng tù và tiêu diệt được lũ sâu.

Câu 29: Phương án nào nêu KHÔNG đúng nét đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản trên?

- A. Giọng điệu lạnh lùng, khách quan, sử dụng nhiều câu văn ngắn.
- B. Cốt truyện xoay quanh một sự kiện.
- C. Tính cách nhân vật phức tạp, đời sống nội tâm phong phú.
- D. Chi tiết chất lọc, hình ảnh giàu ý nghĩa.

Câu 30: Phương án nào sau đây thể hiện thông điệp của truyện?

- A. Sự tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên sẽ góp phần tạo nên cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho dân làng.
- B. Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại góp phần tạo nên sản phẩm văn hóa mang bản sắc cộng đồng.
- C. Sự kết nối giữa các thế hệ, giữa hiện tại và truyền thống cha ông sẽ đem đến cuộc sống bình yên, hạnh phúc.
- D. Sự tài giỏi của người đứng đầu khi giải quyết các vấn nạn của đời sống cộng đồng sẽ dẫn đến thành công.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 800 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hình ảnh chiếc tù và trong văn bản *Chiếc tù và bị bỏ quên* (Nguyễn Huy Thiệp) ở phần Đọc hiểu.

----- HẾT -----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu; Giám thị không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

I.1. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 7. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

Ô NHIỄM ÁNH SÁNG

[...] Ô nhiễm ánh sáng tại các khu vực thành thị chủ yếu là do chiếu sáng không được định hướng tốt (một phần hướng lên trời, hoặc phản chiếu lên trời), không hiệu quả, thái quá hoặc đơn giản là không cần thiết. Ánh sáng sau đó bị phân tán bởi các lớp khí quyển, tạo ra một quang sáng trên các thành phố và làm cho bầu trời đêm bớt tối đi.

Ô nhiễm ánh sáng không chỉ ảnh hưởng tới việc nghiên cứu và chiêm ngưỡng bầu trời mà nó còn ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế và sinh thái của thế giới. Thật vậy, việc chiếu sáng thái quá hoặc không cần thiết là một sự lãng phí năng lượng mà những người đóng thuế phải gánh chịu. Nếu điện được sinh ra từ các năng lượng hóa thạch thì điều đó góp phần làm tăng lượng khí gây hiệu ứng nhà kính thải vào khí quyển Trái Đất và do đó, đóng góp vào sự nóng lên toàn cầu.

Ánh sáng nhân tạo còn làm rối loạn hệ động vật và thực vật. Việc chiếu sáng ban đêm làm nhiễu loạn các đàn chim di trú vì chúng bị mất các điểm mốc của chúng trên bầu trời. Số chim chết mỗi năm tại Mỹ trong hành trình di trú do đâm vào cửa kính của các tòa nhà cao tầng có thể lên tới hàng trăm triệu con. Ô nhiễm ánh sáng cũng có thể làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật giúp cho thụ phấn như bướm đêm, gây ra các hậu quả trực tiếp, như sự biến mất của nhiều loài cây có hoa phụ thuộc vào sự thụ phấn để sinh sản. Loài sâu đóm cũng bị ảnh hưởng: ánh sáng nhân tạo làm triệt tiêu hiệu ứng huỳnh quang của con cái, làm cho nó không được con đực phát hiện và thụ tinh, mà không có thụ tinh thì loài đó sẽ biến mất. Sự chiếu sáng ban đêm còn làm đảo lộn các nhịp sinh học và ảnh hưởng tới các hệ sinh thái. Chẳng hạn, trong các hồ nước, một sự chiếu sáng thái quá có thể làm cho động vật phù du không ăn tảo nữa, dẫn tới sự sinh sôi nảy nở của loài tảo, làm vi khuẩn biến đổi và tăng mạnh, nhiều động vật có xương sống và cá thiếu oxy.

Vậy chống lại thảm họa ô nhiễm ánh sáng này như thế nào? Nhiều giải pháp đã được đưa ra: ánh sáng của các thiết bị chiếu sáng phải được hướng đến nơi cần, chứ không sang bên hay hướng lên trời (sử dụng đèn chụp, đèn hướng xạ); dùng các nguồn chiếu sáng hiệu quả, ít gây ô nhiễm, như bóng đèn hơi natri; chỉ thấp khi cần thiết và không lãng phí (sử dụng thiết bị ngắt tự động, giảm chiếu sáng nơi công cộng mà không ảnh hưởng đến an toàn của người dân). [...]

(Theo Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*,
Phạm Văn Thiều và Ngô Vũ dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr. 484 – 486)

Câu 1: Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A.** Thuyết minh. **B.** Biểu cảm.
C. Tự sự. **D.** Miêu tả.

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là

- A. giúp người đọc biết cách sử dụng ánh sáng tự nhiên.
- B. cung cấp thông tin về ô nhiễm ánh sáng.
- C. trình bày nguyên nhân của ô nhiễm ánh sáng.
- D. khẳng định tác dụng của ánh sáng nhân tạo.

Câu 3: Phương án nào dưới đây nêu đúng đặc điểm ngôn ngữ của văn bản trên?

- A. Tính cá thể, sinh động, chủ quan, giàu tính biểu cảm.
- B. Tính khách quan, chính xác, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành.
- C. Tính hình tượng, tính gợi cảm, tính cá thể.
- D. Tính chính luận, khái quát, trang trọng.

Câu 4: Tác động nào của ô nhiễm ánh sáng KHÔNG được nêu ra trong văn bản trên?

- A. Làm ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế.
- B. Làm ảnh hưởng đến việc nghiên cứu bầu trời.
- C. Làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật.
- D. Làm giảm lượng khí gây hiệu ứng nhà kính.

Câu 5: Việc đưa ra thông tin về loài sâu đóm có tác dụng gì trong việc thể hiện mục đích chính của văn bản?

- A. Thông báo về sự biến mất của loài sâu đóm.
- B. Giải thích đặc điểm sinh trưởng của loài sâu đóm.
- C. Nhấn mạnh ảnh hưởng của ánh sáng tự nhiên.
- D. Minh họa cho tác động của ánh sáng nhân tạo.

Câu 6: Thông tin trong văn bản được trình bày theo

- A. trật tự nhân quả.
- B. trật tự thời gian.
- C. quan hệ so sánh.
- D. tầm quan trọng của vấn đề.

Câu 7: Nội dung của văn bản có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống hiện nay?

- A. Khuyến khích con người sử dụng ánh sáng nhân tạo.
- B. Khuyến cáo con người hạn chế gây ô nhiễm ánh sáng.
- C. Khuyến khích con người tăng cường sử dụng các thiết bị chiếu sáng.
- D. Khuyến cáo con người ngừng sử dụng năng lượng hóa thạch.

I.2. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 8 đến câu 14. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

**NHÌN NHẬN VỀ BIẾN THỂ TIẾNG VIỆT¹ TRÊN MẠNG
TỪ GÓC ĐỘ CHUẨN HÓA TIẾNG VIỆT**

Có thể thấy, hiện còn nhiều ý kiến khác nhau (mà cách gọi quen thuộc là “trái chiều”) về biến thể tiếng Việt trên mạng: có ý kiến thì ủng hộ, có ý kiến thì phản đối, có ý kiến thì trung dung. Nhưng, tựu trung lại, tất cả đều quan tâm, hướng đến việc giữ gìn, làm trong sáng tiếng Việt.

Không ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng, thậm chí “khó chịu ra mặt” và chỉ trích gay gắt biến thể tiếng Việt trên mạng, những người này cho rằng, đó là thứ tiếng Việt quái gở, thứ tiếng Việt méo mó, thứ tiếng Việt của những kẻ lười nhác. Họ cho rằng, đây là sự lạm dụng thái quá, làm tiếng Việt bị vi phạm, gây phản cảm, tạo nên thứ ngôn ngữ chợ búa hay hội chứng “ac ac, hic hic, hehe”... Thậm chí, có ý kiến còn cho đây là thứ tiếng Việt “trên trời rơi xuống”, “ngoài hành tinh”, “tiếng Việt ngoại lai”, hoặc cách nói mĩa mai rằng, đó là “thứ tiếng Việt tiết kiệm nhiên liệu”.

¹ *Biến thể tiếng Việt*: các hình thức biến đổi và tồn tại của tiếng Việt.

Những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng cho rằng, nó có chức năng riêng của nó. Việc sử dụng chúng trong giao tiếp của giới trẻ thời nay đa phần là để cho vui, để bộc lộ cảm xúc dễ dàng hơn. Chẳng hạn, hãy so sánh *về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mừ* với *không đâu mà* sẽ thấy sức nặng của biểu cảm, cảm xúc nũng nịu ở các biến thể này. Vượt lên trên ngôn từ, đằng sau các biến thể này còn lấp lánh cá tính của thế hệ người sử dụng nó nữa. Nếu nghĩ như vậy, thì theo họ, những biến thể bị coi là dị dạng nhằm nhí, vô bổ kia sao lại thu hút giới trẻ đến vậy? Và, từ suy luận này, người ủng hộ cho rằng, ở thời đại này, ai (thuộc giới trẻ) không biết sử dụng thì sẽ bị xếp vào lạc hậu, không phù hợp với cách sống hiện đại bị chê là “hai lúa” hoặc thuộc dạng “đồ cổ”.

Cũng có ý kiến cho rằng, cũng chẳng nên đặt vấn đề “nên hay không nên sử dụng”, mà là “sử dụng lúc nào và như thế nào”. [...]

Việc ngăn chặn hay cấm sử dụng loại ngôn ngữ này là không thể, nếu không muốn nói là phi lí. Vì thế, một thái độ bình tĩnh là cần thiết nhằm tạo ra được định hướng xã hội trong sử dụng ngôn ngữ “phù hợp với bối cảnh giao tiếp”, tức là, ngôn ngữ mạng phải được khoanh vùng sử dụng trên mạng và dùng để giao tiếp giữa các cư dân mạng. Điều đó cũng có nghĩa rằng, biến thể tiếng Việt trên mạng hãy trở về với đúng vị trí và chức năng của chúng, đó là phạm vi giao tiếp trên mạng giữa các cư dân mạng. Đây chính là sự phân công chức năng trong giao tiếp của các biến thể ngôn ngữ.

(Theo Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ mạng, biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr. 278 – 281)

Câu 8: Nội dung của văn bản trên là

- A. các ý kiến khác nhau về sự phong phú và độc đáo của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. các ý kiến khác nhau về biến thể tiếng Việt trên mạng và quan điểm của tác giả.
- C. các ý kiến khác nhau về đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. các ý kiến khác nhau về nguồn gốc và quá trình hình thành biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 9: Theo văn bản trên, điểm chung của các ý kiến về biến thể tiếng Việt trên mạng là gì?

- A. Sử dụng tiếng Việt phù hợp với bối cảnh giao tiếp.
- B. Thể hiện thái độ bình tĩnh đối với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Ngăn chặn sự “lây lan”, “phát tán” của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. Mong muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Câu 10: Phương án nào sau đây KHÔNG phải là một trong những luận điểm của văn bản trên?

- A. Ủng hộ việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. Phản đối gay gắt việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Tán thành việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng trong mọi tình huống giao tiếp.
- D. Không đồng tình, cũng không phản đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 11: Trong văn bản, những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng KHÔNG sử dụng lí lẽ nào để bảo vệ quan điểm của mình?

- A. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ thể hiện cá tính.
- B. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ bộc lộ cảm xúc.
- C. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ tiết kiệm thời gian.
- D. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ khẳng định lối sống hiện đại.

Câu 12: Việc so sánh “*về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mừ* với *không đâu mà*” trong văn bản có tác dụng

- A. thể hiện cá tính của tác giả trong sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. bộc lộ thái độ của tác giả với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. làm rõ chức năng bộc lộ cảm xúc của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. chứng minh sự tồn tại của biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 13: Theo văn bản trên, đề xuất nào đúng với việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng?

- A. Sử dụng phù hợp với không gian giao tiếp.
- B. Sử dụng để hội nhập và phát triển.
- C. Cấm tuyệt đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. Không giới hạn việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 14: Tiêu đề nào dưới đây phù hợp nhất với nội dung văn bản trên?

- A. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Tồn tại hay không tồn tại?
- B. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Dấu ấn của người trẻ.
- C. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Con đường hội nhập thế giới.
- D. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Chấp nhận hay từ chối?

I.3. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 15 đến câu 22. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

NGHI TÀM²

Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.

Tiếng thời gian khoan nhặt
Bên thềm rêu gọi hè
Không gian như phủ chúa
Hoa cười vang cung mê.

Ai đang dẫn ta về
Thành Thăng Long mây khói
Nền xưa và dấu xe...
Phải tiếng em vừa gọi?

Màu hoa chùng rất vội
Hồn ta cứ la đà
Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.

(Mai Văn Phấn, *Lặng yên cho nước chảy*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr. 36 – 37)

Câu 15: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ.
- B. Năm chữ.
- C. Lục bát.
- D. Tự do.

Câu 16: Câu thơ nào dưới đây sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác?

- A. Không gian như phủ chúa.
- B. Hoa cười vang cung mê.
- C. Bên thềm rêu gọi hè.
- D. Tiếng thời gian khoan nhặt.

² *Nghi Tàm*: một địa danh ở Hà Nội.

Câu 17: Phương án nào thể hiện đúng nhất trạng thái tâm hồn của nhân vật trữ tình trong khổ thơ dưới đây?

*Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.*

- A. Bâng khuâng, bồi hồi. B. Say mê, đắm đuối.
C. Thanh khiết, lắng đọng. D. Phóng khoáng, bay bổng.

Câu 18: Câu thơ *Màu hoa chùng rất vội diễn tả điều gì về hoa?*

- A. Sự tồn tại ngắn ngủi của màu hoa. B. Hoa nở vào buổi chiều tà.
C. Màu hoa không tươi thắm. D. Sự tồn tại bền bỉ của màu hoa.

Câu 19: Những hình ảnh *cây lá, sương, rêu, hoa* gợi ra không gian như thế nào ở Nghi Tàm?

- A. Không gian u tối, đơn điệu.
B. Không gian sôi động, rục rờ.
C. Không gian trong trẻo, hư ảo.
D. Không gian chật hẹp, tù đọng.

Câu 20: Cảm thức của nhân vật trữ tình hiện lên như thế nào trong hai dòng thơ dưới đây?

*Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.*

- A. Bâng khuâng trước cảnh đẹp của vùng đất Nghi Tàm.
B. Lòng bồi hồi, chìm đắm vào quá vãng xa xưa.
C. Tâm hướng thiện, sáng ngộ những điều lành.
D. Vui sướng trước sự thay đổi của dung nhan.

Câu 21: Phương án nào sau đây phù hợp nhất với chủ đề của bài thơ?

- A. Bài thơ khắc họa không gian Nghi Tàm nhuộm màu tâm cảnh, gợi sự bình yên, hướng thiện và những suy tư về lịch sử.
B. Bài thơ chuyển tải thông điệp về một vùng đất Nghi Tàm có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa cảnh vật và con người.
C. Bài thơ thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình về vùng quê thanh bình, yên ả, thiên nhiên trù mật.
D. Bài thơ mang nặng nỗi u hoài, luyến tiếc về quá khứ của vùng đất Nghi Tàm có bề dày lịch sử ngàn năm.

Câu 22: Hai đoạn thơ sau có điểm gì tương đồng?

<i>Ai đang dẫn ta về Thành Thăng Long mây khói Nền xưa và dấu xe... Phải tiếng em vừa gọi? (Nghi Tàm – Mai Văn Phấn)</i>	<i>Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo Nền cũ lâu đài bóng tịch dương (Thăng Long thành hoài cổ – Bà Huyện Thanh Quan)</i>
--	---

- A. Hoài niệm về kinh thành Thăng Long xưa cũ.
B. Cảm nhận của người con đất Thăng Long về cảnh chiều tà.
C. Cảnh vật huy hoàng, tráng lệ của vùng đất Thăng Long.
D. Tạo dựng không gian đồ nát của kinh thành Thăng Long.

I.4. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 23 đến câu 30. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

CHIẾC TÙ VÀ³ BỊ BỎ QUÊN

Trên gác xép nhà trưởng bản Hà Văn Nó có chiếc tù và không biết đã từ đời nào sót lại. Chiếc tù và này bằng sừng trâu, khảm bạc, rạn nứt, mạng nhện chằng đầy, tò vò làm tổ ở trong. Không ai chú ý đến nó. Nó nằm đấy, lẩn lóc, vất vưởng.

Năm ấy, bỗng dưng trong rừng Hua Tát xuất hiện một loại sâu đen kì lạ. Chúng bé như những cái tăm, bám đầy chi chít trên những cành lá. Đi vào rừng hay đi lên nương, cứ nghe tiếng sâu bập mình lách tách, tiếng rào rào nghiền lá của chúng mà rợn cả người. Không có thứ lá cây nào mà loài sâu ấy lại không ăn được. Từ lá lúa, lá tre, cả lá của những cây song, cây mây đầy gai cũng bị chúng nhai ngấu nghiến.

Trưởng bản Hà Văn Nó gầy rộc. Ông cùng với dân bản tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng ấy. Họ rung cây, đốt lửa, hun khói, dội nước nóng và nước lá ngón. Tất cả mọi cách thử đều vô hiệu. Loài sâu sinh nở nhanh chóng lạ lùng.

Bản Hua Tát tiêu điều như có dịch hạch. Người ta đã bàn tới chuyện dời bản Hua Tát về nơi khác. Các bộ lão họp bàn. Mọi người sợ hãi đi mời thầy mo về cúng.

Trưởng bản Hà Văn Nó sai người giết trâu, giết lợn để xin trời đất quý thần phù hộ. Thầy mo bảo:

- Cái xương ông tổ họ Hà đang rữa, biến thành sâu bọ, phải lôi cái xương ra ánh mặt trời mà rửa mới hết được sâu.

(Lược một đoạn: Họ Hà có tục thiêu người chết, xương cốt mang đi cất giấu, chỉ có người kế tục trưởng họ mới biết chỗ, nếu xương bị phá là cả dòng họ tuyệt diệt. Trưởng bản cùng con trai là Hà Văn Mao bí mật đến chỗ cất giấu xương cụ tổ, không thấy xương bị mục như lời thầy mo, giữa đám xương có một sợi dây bằng bạc. Mao thắt sợi dây bạc vào người. Sâu vẫn phá. Mao quyết định cho cả bản dời sang đất khác tránh nạn sâu.)

Hôm dọn đồ đạc, Mao thấy cái tù và ở trên gác xép. Trên tù và có một lỗ nhỏ buộc dây. Chàng chợt nhớ ra sợi dây bằng bạc lấy trong đám xương cụ tổ. Chàng bèn lấy sợi dây đeo vào tù và. Chiếc tù và cũ bỗng dưng trông đẹp hẳn lên. Mao cầm tù và và rúc thử một hồi. Thật kì lạ! Khi tiếng tù và vừa mới cất, những con sâu đen trên cây tự dưng quẩn quại rồi rơi xuống đất.

Mao ngạc nhiên, chàng cầm tù và rúc thử vài lần. Những con sâu đen rụng xuống như mưa. Chàng sung sướng, vội vã sai mọi người dừng việc dọn nhà.

Cả bản reo hò theo Mao lên rừng. Sáng ngày hôm ấy, chiếc tù và không ngớt rúc lên âm thanh kì lạ của nó. Sâu đen rơi xuống rào rào, người ta chỉ cần vun lại giết đi. Nạn sâu phá hoại chỉ trong một ngày đã bị diệt sạch.

Diệt xong nạn sâu, dân bản Hua Tát mở hội ăn mừng. Chiếc tù và cũ được đặt trang trọng ở trên ngai thờ.

Từ đấy, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên. Tiếng tù và cổ xưa nhắc nhở mọi người nhớ đến tổ tiên, báo hiệu cuộc sống bình yên không có sâu hại. [...]

(Nguyễn Huy Thiệp, *Chiếc tù và bị bỏ quên*, in trong *Những ngọn gió Hua Tát*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2024, tr. 282 – 286)

Câu 23: Truyện được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất.

B. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

C. Ngôi thứ ba.

D. Ngôi thứ hai.

³ Tù và: dụng cụ làm bằng sừng trâu, bò, dùng để thổi, tiếng vang trầm và xa.

Câu 24: Bản Hua Tát gặp phải biến cố gì?

- A. Bị nạn sâu đen phá hoại.
- B. Dời làng đi nơi khác.
- C. Quên chiếc tù và ở mộ tổ.
- D. Mất chiếc tù và.

Câu 25: Phương án nào mà trưởng bản và dân làng KHÔNG làm để đối phó với nạn sâu?

- A. Tìm chiếc tù và, mở hội ăn mừng.
- B. Mời thầy mo về cúng và bí mật đến mộ tổ.
- C. Dội nước nóng và nước lá ngón.
- D. Rung cây, đốt lửa, hun khói.

Câu 26: Hình ảnh chiếc tù và có ý nghĩa như thế nào?

- A. Khẳng định bản lĩnh và sự sáng suốt của người đứng đầu.
- B. Khẳng định giá trị của bảo vật trong lĩnh vực khảo cổ.
- C. Thể hiện thái độ thận trọng khi ứng xử với quá khứ.
- D. Nhắc nhở thế hệ sau không quên cội nguồn.

Câu 27: Chi tiết nào có vai trò tạo bước ngoặt cho mạch truyện?

- A. Mao đeo sợi dây bạc vào chiếc tù và và rúc thử một hồi.
- B. Trưởng bản và dân làng tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng.
- C. Từ đây, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên.
- D. Trưởng bản sai người giết trâu, giết lợn xin trời đất quý thần phù hộ.

Câu 28: Yếu tố kì ảo nào xuất hiện trong câu chuyện?

- A. Thầy mo cúng và phán nguyên nhân của nạn sâu đen.
- B. Dân bản đun lá ngón để trừ sâu.
- C. Bố con trưởng bản đến xem bộ xương cụ tổ.
- D. Tiếng tù và tiêu diệt được lũ sâu.

Câu 29: Phương án nào nêu KHÔNG đúng nét đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản trên?

- A. Tính cách nhân vật phức tạp, đời sống nội tâm phong phú.
- B. Giọng điệu lạnh lùng, khách quan, sử dụng nhiều câu văn ngắn.
- C. Cốt truyện xoay quanh một sự kiện.
- D. Chi tiết chất lọc, hình ảnh giàu ý nghĩa.

Câu 30: Phương án nào sau đây thể hiện thông điệp của truyện?

- A. Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại góp phần tạo nên sản phẩm văn hóa mang bản sắc cộng đồng.
- B. Sự kết nối giữa các thế hệ, giữa hiện tại và truyền thống cha ông sẽ đem đến cuộc sống bình yên, hạnh phúc.
- C. Sự tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên sẽ góp phần tạo nên cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho dân làng.
- D. Sự tài giỏi của người đứng đầu khi giải quyết các vấn nạn của đời sống cộng đồng sẽ dẫn đến thành công.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 800 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hình ảnh chiếc tù và trong văn bản *Chiếc tù và bị bỏ quên* (Nguyễn Huy Thiệp) ở phần Đọc hiểu.

----- HẾT -----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu; Giám thị không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

I.1. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 7. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

Ô NHIỄM ÁNH SÁNG

[...] Ô nhiễm ánh sáng tại các khu vực thành thị chủ yếu là do chiếu sáng không được định hướng tốt (một phần hướng lên trời, hoặc phản chiếu lên trời), không hiệu quả, thái quá hoặc đơn giản là không cần thiết. Ánh sáng sau đó bị phân tán bởi các lớp khí quyển, tạo ra một quang sáng trên các thành phố và làm cho bầu trời đêm bớt tối đi.

Ô nhiễm ánh sáng không chỉ ảnh hưởng tới việc nghiên cứu và chiêm ngưỡng bầu trời mà nó còn ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế và sinh thái của thế giới. Thật vậy, việc chiếu sáng thái quá hoặc không cần thiết là một sự lãng phí năng lượng mà những người đóng thuế phải gánh chịu. Nếu điện được sinh ra từ các năng lượng hóa thạch thì điều đó góp phần làm tăng lượng khí gây hiệu ứng nhà kính thải vào khí quyển Trái Đất và do đó, đóng góp vào sự nóng lên toàn cầu.

Ánh sáng nhân tạo còn làm rối loạn hệ động vật và thực vật. Việc chiếu sáng ban đêm làm nhiễu loạn các đàn chim di trú vì chúng bị mất các điểm mốc của chúng trên bầu trời. Số chim chết mỗi năm tại Mỹ trong hành trình di trú do đâm vào cửa kính của các tòa nhà cao tầng có thể lên tới hàng trăm triệu con. Ô nhiễm ánh sáng cũng có thể làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật giúp cho thụ phấn như bướm đêm, gây ra các hậu quả trực tiếp, như sự biến mất của nhiều loài cây có hoa phụ thuộc vào sự thụ phấn để sinh sản. Loài sâu đóm cũng bị ảnh hưởng: ánh sáng nhân tạo làm triệt tiêu hiệu ứng huỳnh quang của con cái, làm cho nó không được con đực phát hiện và thụ tinh, mà không có thụ tinh thì loài đó sẽ biến mất. Sự chiếu sáng ban đêm còn làm đảo lộn các nhịp sinh học và ảnh hưởng tới các hệ sinh thái. Chẳng hạn, trong các hồ nước, một sự chiếu sáng thái quá có thể làm cho động vật phù du không ăn tảo nữa, dẫn tới sự sinh sôi nảy nở của loài tảo, làm vi khuẩn biến đổi và tăng mạnh, nhiều động vật có xương sống và cá thiếu oxy.

Vậy chống lại thảm họa ô nhiễm ánh sáng này như thế nào? Nhiều giải pháp đã được đưa ra: ánh sáng của các thiết bị chiếu sáng phải được hướng đến nơi cần, chứ không sang bên hay hướng lên trời (sử dụng đèn chụp, đèn hướng xạ); dùng các nguồn chiếu sáng hiệu quả, ít gây ô nhiễm, như bóng đèn hơi natri; chỉ thấp khi cần thiết và không lãng phí (sử dụng thiết bị ngắt tự động, giảm chiếu sáng nơi công cộng mà không ảnh hưởng đến an toàn của người dân). [...]

(Theo Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*,
Phạm Văn Thiều và Ngô Vũ dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr. 484 – 486)

Câu 1: Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A.** Tự sự. **B.** Miêu tả.
C. Thuyết minh. **D.** Biểu cảm.

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là

- A. trình bày nguyên nhân của ô nhiễm ánh sáng.
- B. cung cấp thông tin về ô nhiễm ánh sáng.
- C. khẳng định tác dụng của ánh sáng nhân tạo.
- D. giúp người đọc biết cách sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Câu 3: Phương án nào dưới đây nêu đúng đặc điểm ngôn ngữ của văn bản trên?

- A. Tính khách quan, chính xác, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành.
- B. Tính hình tượng, tính gợi cảm, tính cá thể.
- C. Tính cá thể, sinh động, chủ quan, giàu tính biểu cảm.
- D. Tính chính luận, khái quát, trang trọng.

Câu 4: Tác động nào của ô nhiễm ánh sáng KHÔNG được nêu ra trong văn bản trên?

- A. Làm rối loạn sự di chuyển của một số loài động vật.
- B. Làm ảnh hưởng tiêu cực lên các nguồn lực kinh tế.
- C. Làm giảm lượng khí gây hiệu ứng nhà kính.
- D. Làm ảnh hưởng đến việc nghiên cứu bầu trời.

Câu 5: Việc đưa ra thông tin về loài sâu đóm có tác dụng gì trong việc thể hiện mục đích chính của văn bản?

- A. Giải thích đặc điểm sinh trưởng của loài sâu đóm.
- B. Nhấn mạnh ảnh hưởng của ánh sáng tự nhiên.
- C. Thông báo về sự biến mất của loài sâu đóm.
- D. Minh họa cho tác động của ánh sáng nhân tạo.

Câu 6: Thông tin trong văn bản được trình bày theo

- A. trật tự thời gian.
- B. trật tự nhân quả.
- C. tầm quan trọng của vấn đề.
- D. quan hệ so sánh.

Câu 7: Nội dung của văn bản có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống hiện nay?

- A. Khuyến cáo con người hạn chế gây ô nhiễm ánh sáng.
- B. Khuyến khích con người tăng cường sử dụng các thiết bị chiếu sáng.
- C. Khuyến cáo con người ngừng sử dụng năng lượng hóa thạch.
- D. Khuyến khích con người sử dụng ánh sáng nhân tạo.

I.2. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 8 đến câu 14. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

NHÌN NHẬN VỀ BIẾN THỂ TIẾNG VIỆT¹ TRÊN MẠNG TỪ GÓC ĐỘ CHUẨN HÓA TIẾNG VIỆT

Có thể thấy, hiện còn nhiều ý kiến khác nhau (mà cách gọi quen thuộc là “trái chiều”) về biến thể tiếng Việt trên mạng: có ý kiến thì ủng hộ, có ý kiến thì phản đối, có ý kiến thì trung dung. Nhưng, tựu trung lại, tất cả đều quan tâm, hướng đến việc giữ gìn, làm trong sáng tiếng Việt.

Không ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng, thậm chí “khó chịu ra mặt” và chỉ trích gay gắt biến thể tiếng Việt trên mạng, những người này cho rằng, đó là thứ tiếng Việt quái gở, thứ tiếng Việt méo mó, thứ tiếng Việt của những kẻ lười nhác. Họ cho rằng, đây là sự lạm dụng thái quá, làm tiếng Việt bị vi phạm, gây phản cảm, tạo nên thứ ngôn ngữ chợ búa hay hội chứng “ac ac, hic hic, hehe”... Thậm chí, có ý kiến còn cho đây là thứ tiếng Việt “trên trời rơi xuống”, “ngoài hành tinh”, “tiếng Việt ngoại lai”, hoặc cách nói mỉa mai rằng, đó là “thứ tiếng Việt tiết kiệm nhiên liệu”.

¹ *Biến thể tiếng Việt*: các hình thức biến đổi và tồn tại của tiếng Việt.

Những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng cho rằng, nó có chức năng riêng của nó. Việc sử dụng chúng trong giao tiếp của giới trẻ thời nay đa phần là để cho vui, để bộc lộ cảm xúc dễ dàng hơn. Chẳng hạn, hãy so sánh *về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mù* với *không đâu mà* sẽ thấy sức nặng của biểu cảm, cảm xúc nũng nịu ở các biến thể này. Vượt lên trên ngôn từ, đằng sau các biến thể này còn lấp lánh cá tính của thế hệ người sử dụng nó nữa. Nếu nghĩ như vậy, thì theo họ, những biến thể bị coi là dị dạng nhằm nhí, vô bổ kia sao lại thu hút giới trẻ đến vậy? Và, từ suy luận này, người ủng hộ cho rằng, ở thời đại này, ai (thuộc giới trẻ) không biết sử dụng thì sẽ bị xếp vào lạc hậu, không phù hợp với cách sống hiện đại bị chê là “hai lúa” hoặc thuộc dạng “đồ cổ”.

Cũng có ý kiến cho rằng, cũng chẳng nên đặt vấn đề “nên hay không nên sử dụng”, mà là “sử dụng lúc nào và như thế nào”. [...]

Việc ngăn chặn hay cấm sử dụng loại ngôn ngữ này là không thể, nếu không muốn nói là phi lí. Vì thế, một thái độ bình tĩnh là cần thiết nhằm tạo ra được định hướng xã hội trong sử dụng ngôn ngữ “phù hợp với bối cảnh giao tiếp”, tức là, ngôn ngữ mạng phải được khoanh vùng sử dụng trên mạng và dùng để giao tiếp giữa các cư dân mạng. Điều đó cũng có nghĩa rằng, biến thể tiếng Việt trên mạng hãy trở về với đúng vị trí và chức năng của chúng, đó là phạm vi giao tiếp trên mạng giữa các cư dân mạng. Đây chính là sự phân công chức năng trong giao tiếp của các biến thể ngôn ngữ.

(Theo Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ mạng, biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr. 278 – 281)

Câu 8: Nội dung của văn bản trên là

- A. các ý kiến khác nhau về đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. các ý kiến khác nhau về nguồn gốc và quá trình hình thành biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. các ý kiến khác nhau về biến thể tiếng Việt trên mạng và quan điểm của tác giả.
- D. các ý kiến khác nhau về sự phong phú và độc đáo của biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 9: Theo văn bản trên, điểm chung của các ý kiến về biến thể tiếng Việt trên mạng là gì?

- A. Sử dụng tiếng Việt phù hợp với bối cảnh giao tiếp.
- B. Thể hiện thái độ bình tĩnh đối với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Ngăn chặn sự “lây lan”, “phát tán” của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. Mong muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Câu 10: Phương án nào sau đây KHÔNG phải là một trong những luận điểm của văn bản trên?

- A. Phản đối gay gắt việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. Ủng hộ việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. Không đồng tình, cũng không phản đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. Tán thành việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng trong mọi tình huống giao tiếp.

Câu 11: Trong văn bản, những người ủng hộ biến thể tiếng Việt trên mạng KHÔNG sử dụng lí lẽ nào để bảo vệ quan điểm của mình?

- A. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ khẳng định lối sống hiện đại.
- B. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ thể hiện cá tính.
- C. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ tiết kiệm thời gian.
- D. Biến thể tiếng Việt giúp giới trẻ bộc lộ cảm xúc.

Câu 12: Việc so sánh “*về thui* với *về thôi*, *iu em* với *yêu em*, *hem đâu mù* với *không đâu mà*” trong văn bản có tác dụng

- A. làm rõ chức năng bộc lộ cảm xúc của biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. bộc lộ thái độ của tác giả với biến thể tiếng Việt trên mạng.
- C. thể hiện cá tính của tác giả trong sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- D. chứng minh sự tồn tại của biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 13: Theo văn bản trên, đề xuất nào đúng với việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng?

- A. Không giới hạn việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.
- B. Sử dụng để hội nhập và phát triển.
- C. Sử dụng phù hợp với không gian giao tiếp.
- D. Cấm tuyệt đối việc sử dụng biến thể tiếng Việt trên mạng.

Câu 14: Tiêu đề nào dưới đây phù hợp nhất với nội dung văn bản trên?

- A. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Con đường hội nhập thế giới.
- B. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Tồn tại hay không tồn tại?
- C. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Dấu ấn của người trẻ.
- D. Biến thể tiếng Việt trên mạng – Chấp nhận hay từ chối?

I.3. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 15 đến câu 22. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

NGHI TÂM²

Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.

Tiếng thời gian khoan nhặt
Bên thềm rêu gọi hè
Không gian như phủ chúa
Hoa cười vang cung mê.

Ai đang dẫn ta về
Thành Thăng Long mây khói
Nền xưa và dấu xe...
Phải tiếng em vừa gọi?

Màu hoa chùng rất vội
Hồn ta cứ la đà
Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.

(Mai Văn Phan, *Lặng yên cho nước chảy*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr. 36 – 37)

Câu 15: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát.
- B. Bốn chữ.
- C. Năm chữ.
- D. Tự do.

Câu 16: Câu thơ nào dưới đây sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác?

- A. Không gian như phủ chúa.
- B. Hoa cười vang cung mê.
- C. Bên thềm rêu gọi hè.
- D. Tiếng thời gian khoan nhặt.

² *Nghi Tàm*: một địa danh ở Hà Nội.

Câu 17: Phương án nào thể hiện đúng nhất trạng thái tâm hồn của nhân vật trữ tình trong khổ thơ dưới đây?

*Cây lá ở Nghi Tàm
Thon những bàn tay Phật
Ta nhìn vào sương tan
Thấy lòng mình trong vắt.*

- A. Phóng khoáng, bay bổng. B. Thanh khiết, lắng đọng.
C. Băng khuâng, bồi hồi. D. Say mê, đắm đuối.

Câu 18: Câu thơ *Màu hoa chùng rất vội diễn tả điều gì về hoa?*

- A. Sự tồn tại ngắn ngủi của màu hoa. B. Hoa nở vào buổi chiều tà.
C. Màu hoa không tươi thắm. D. Sự tồn tại bền bỉ của màu hoa.

Câu 19: Những hình ảnh *cây lá, sương, rêu, hoa* gợi ra không gian như thế nào ở Nghi Tàm?

- A. Không gian sôi động, rục rờ.
B. Không gian u tối, đơn điệu.
C. Không gian chật hẹp, tù đọng.
D. Không gian trong trẻo, hư ảo.

Câu 20: Cảm thức của nhân vật trữ tình hiện lên như thế nào trong hai dòng thơ dưới đây?

*Chấp tay làm chiếc lá
Ngỡ mặt mình đơm hoa.*

- A. Lòng bồi hồi, chìm đắm vào quá vãng xa xưa.
B. Vui sướng trước sự thay đổi của dung nhan.
C. Băng khuâng trước cảnh đẹp của vùng đất Nghi Tàm.
D. Tâm hướng thiện, sáng ngộ những điều lành.

Câu 21: Phương án nào sau đây phù hợp nhất với chủ đề của bài thơ?

- A. Bài thơ chuyển tải thông điệp về một vùng đất Nghi Tàm có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa cảnh vật và con người.
B. Bài thơ khắc họa không gian Nghi Tàm nhuốm màu tâm cảnh, gợi sự bình yên, hướng thiện và những suy tư về lịch sử.
C. Bài thơ mang nặng nỗi u hoài, luyến tiếc về quá khứ của vùng đất Nghi Tàm có bề dày lịch sử ngàn năm.
D. Bài thơ thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình về vùng quê thanh bình, yên ả, thiên nhiên trù mật.

Câu 22: Hai đoạn thơ sau có điểm gì tương đồng?

<i>Ai đang dẫn ta về Thành Thăng Long mây khói Nền xưa và dấu xe... Phải tiếng em vừa gọi? (Nghi Tàm – Mai Văn Phấn)</i>	<i>Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo Nền cũ lâu đài bóng tịch dương (Thăng Long thành hoài cổ – Bà Huyện Thanh Quan)</i>
--	---

- A. Cảnh vật huy hoàng, tráng lệ của vùng đất Thăng Long.
B. Cảm nhận của người con đất Thăng Long về cảnh chiều tà.
C. Tạo dựng không gian đồ nát của kinh thành Thăng Long.
D. Hoài niệm về kinh thành Thăng Long xưa cũ.

I.4. Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ câu 23 đến câu 30. Với mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng và tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.

CHIẾC TÙ VÀ³ BỊ BỎ QUÊN

Trên gác xép nhà trưởng bản Hà Văn Nó có chiếc tù và không biết đã từ đời nào sót lại. Chiếc tù và này bằng sừng trâu, khảm bạc, rạn nứt, mạng nhện chằng đầy, tò vò làm tổ ở trong. Không ai chú ý đến nó. Nó nằm đấy, lẩn lóc, vất vưởng.

Năm ấy, bỗng dưng trong rừng Hua Tát xuất hiện một loại sâu đen kì lạ. Chúng bé như những cái tăm, bám đầy chi chít trên những cành lá. Đi vào rừng hay đi lên nương, cứ nghe tiếng sâu bập mình lách tách, tiếng rào rào nghiền lá của chúng mà rợn cả người. Không có thứ lá cây nào mà loài sâu ấy lại không ăn được. Từ lá lúa, lá tre, cả lá của những cây song, cây mây đầy gai cũng bị chúng nhai ngấu nghiến.

Trưởng bản Hà Văn Nó gầy rộc. Ông cùng với dân bản tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng ấy. Họ rung cây, đốt lửa, hun khói, dội nước nóng và nước lá ngón. Tất cả mọi cách thử đều vô hiệu. Loài sâu sinh nở nhanh chóng lạ lùng.

Bản Hua Tát tiêu điều như có dịch hạch. Người ta đã bàn tới chuyện dời bản Hua Tát về nơi khác. Các bộ lão họp bàn. Mọi người sợ hãi đi mời thầy mo về cúng.

Trưởng bản Hà Văn Nó sai người giết trâu, giết lợn để xin trời đất quý thần phù hộ. Thầy mo bảo:

- Cái xương ông tổ họ Hà đang rữa, biến thành sâu bọ, phải lôi cái xương ra ánh mặt trời mà rửa mới hết được sâu.

(Lược một đoạn: Họ Hà có tục thiêu người chết, xương cốt mang đi cất giấu, chỉ có người kế tục trưởng họ mới biết chỗ, nếu xương bị phá là cả dòng họ tuyệt diệt. Trưởng bản cùng con trai là Hà Văn Mao bí mật đến chỗ cất giấu xương cụ tổ, không thấy xương bị mục như lời thầy mo, giữa đám xương có một sợi dây bằng bạc. Mao thắt sợi dây bạc vào người. Sâu vẫn phá. Mao quyết định cho cả bản dời sang đất khác tránh nạn sâu.)

Hôm dọn đồ đạc, Mao thấy cái tù và ở trên gác xép. Trên tù và có một lỗ nhỏ buộc dây. Chàng chợt nhớ ra sợi dây bằng bạc lấy trong đám xương cụ tổ. Chàng bèn lấy sợi dây đeo vào tù và. Chiếc tù và cũ bỗng dưng trông đẹp hẳn lên. Mao cầm tù và và rúc thử một hồi. Thật kì lạ! Khi tiếng tù và vừa mới cất, những con sâu đen trên cây tự dưng quẩn quại rồi rơi xuống đất.

Mao ngạc nhiên, chàng cầm tù và rúc thử vài lần. Những con sâu đen rụng xuống như mưa. Chàng sung sướng, vội vã sai mọi người dừng việc dọn nhà.

Cả bản reo hò theo Mao lên rừng. Sáng ngày hôm ấy, chiếc tù và không ngớt rúc lên âm thanh kì lạ của nó. Sâu đen rơi xuống rào rào, người ta chỉ cần vun lại giết đi. Nạn sâu phá hoại chỉ trong một ngày đã bị diệt sạch.

Diệt xong nạn sâu, dân bản Hua Tát mở hội ăn mừng. Chiếc tù và cũ được đặt trang trọng ở trên ngai thờ.

Từ đấy, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên. Tiếng tù và cổ xưa nhắc nhở mọi người nhớ đến tổ tiên, báo hiệu cuộc sống bình yên không có sâu hại. [...]

(Nguyễn Huy Thiệp, *Chiếc tù và bị bỏ quên*, in trong *Những ngọn gió Hua Tát*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2024, tr. 282 – 286)

Câu 23: Truyện được kể theo ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ ba.

B. Ngôi thứ hai.

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

D. Ngôi thứ nhất.

³ Tù và: dụng cụ làm bằng sừng trâu, bò, dùng để thổi, tiếng vang trầm và xa.

Câu 24: Bản Hua Tát gặp phải biến cố gì?

- A. Dời làng đi nơi khác.
- B. Bị nạn sâu đen phá hoại.
- C. Mất chiếc tù và.
- D. Quên chiếc tù và ở mộ tổ.

Câu 25: Phương án nào mà trưởng bản và dân làng KHÔNG làm để đối phó với nạn sâu?

- A. Tìm chiếc tù và, mở hội ăn mừng.
- B. Mời thầy mo về cúng và bí mật đến mộ tổ.
- C. Rung cây, đốt lửa, hun khói.
- D. Dội nước nóng và nước lá ngón.

Câu 26: Hình ảnh chiếc tù và có ý nghĩa như thế nào?

- A. Khẳng định bản lĩnh và sự sáng suốt của người đứng đầu.
- B. Nhắc nhở thế hệ sau không quên cội nguồn.
- C. Khẳng định giá trị của bảo vật trong lĩnh vực khảo cổ.
- D. Thể hiện thái độ thận trọng khi ứng xử với quá khứ.

Câu 27: Chi tiết nào có vai trò tạo bước ngoặt cho mạch truyện?

- A. Trưởng bản sai người giết trâu, giết lợn xin trời đất quý thần phù hộ.
- B. Mao đeo sợi dây bạc vào chiếc tù và và rúc thử một hồi.
- C. Từ đây, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên.
- D. Trưởng bản và dân làng tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng.

Câu 28: Yếu tố kì ảo nào xuất hiện trong câu chuyện?

- A. Dân bản đun lá ngón để trừ sâu.
- B. Bố con trưởng bản đến xem bộ xương cụ tổ.
- C. Thầy mo cúng và phán nguyên nhân của nạn sâu đen.
- D. Tiếng tù và tiêu diệt được lũ sâu.

Câu 29: Phương án nào nêu KHÔNG đúng nét đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản trên?

- A. Cốt truyện xoay quanh một sự kiện.
- B. Giọng điệu lạnh lùng, khách quan, sử dụng nhiều câu văn ngắn.
- C. Tính cách nhân vật phức tạp, đời sống nội tâm phong phú.
- D. Chi tiết chất lọc, hình ảnh giàu ý nghĩa.

Câu 30: Phương án nào sau đây thể hiện thông điệp của truyện?

- A. Sự kết nối giữa các thế hệ, giữa hiện tại và truyền thống cha ông sẽ đem đến cuộc sống bình yên, hạnh phúc.
- B. Sự tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên sẽ góp phần tạo nên cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho dân làng.
- C. Sự tài giỏi của người đứng đầu khi giải quyết các vấn nạn của đời sống cộng đồng sẽ dẫn đến thành công.
- D. Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại góp phần tạo nên sản phẩm văn hóa mang bản sắc cộng đồng.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 800 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hình ảnh chiếc tù và trong văn bản *Chiếc tù và bị bỏ quên* (Nguyễn Huy Thiệp) ở phần Đọc hiểu.

----- HẾT -----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu; Giám thị không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC

PHẦN I. ĐỌC HIỂU

Câu hỏi	MÃ ĐỀ			
	128	230	351	473
1.	A	D	A	C
2.	B	D	B	B
3.	A	A	B	A
4.	C	B	D	C
5.	D	A	D	D
6.	C	B	A	B
7.	C	B	B	A
8.	D	D	B	C
9.	C	B	D	D
10.	D	C	C	D
11.	C	C	C	C
12.	C	B	C	A
13.	A	A	A	C
14.	D	C	D	D
15.	A	B	B	C
16.	D	D	D	D
17.	D	D	C	B
18.	B	A	A	A
19.	A	D	C	D
20.	B	A	C	D
21.	D	A	A	B
22.	D	B	A	D
23.	A	C	C	A
24.	C	B	A	B
25.	A	A	A	A
26.	D	C	D	B
27.	B	A	A	B
28.	B	D	D	D
29.	B	C	A	C
30.	B	C	B	A

PHẦN II. VIẾT

	- Đánh giá vai trò của hình ảnh trong thể hiện chủ đề của truyện: góp phần thể hiện chủ đề sự kết nối giữa các thế hệ, giữa hiện đại và truyền thống cha ông, qua đó, đem đến cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho người dân. c. Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	0,25 0,25
4	Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt; bài văn có sự liên kết chặt chẽ.	0,25
5	Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
TỔNG ĐIỂM		4,0

----- HẾT -----